

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh
2. Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1987 (có mặt); Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1982 (vắng mặt). Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị và anh V qua tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình nên chị và anh V mới tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã T huyện B, tỉnh Vĩnh Long), được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2006. Sau ngày cưới thì vợ chồng chị về sống chung với gia đình anh V được khoảng 1,5 năm thì vợ chồng ra riêng chung sống cho đến nay. Vợ chồng hạnh phúc khoảng 05 năm và sinh hai con chung tên Nguyễn Hoàng T1 (sinh ngày 17/10/2006), hiện nay cháu T1 do anh V chăm sóc, nuôi dưỡng và Nguyễn Thị Cẩm G (sinh ngày 14/9/2008) hiện cháu G đang sống với mẹ. Đến năm 2019, vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã, anh V thường xuyên uống rượu bia, không quan tâm đến vợ con. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị về nhà mẹ ruột chị sống từ năm 2019 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung:

+ Cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 17/10/2006 chị yêu cầu giải quyết để anh V được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Cháu Nguyễn Thị Cẩm G, sinh ngày 14/9/2008 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con

- Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bích T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và xác định do vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, anh V đã lập gia đình với người phụ nữ nên không thể hàn gắn. Về con chung là cháu Nguyễn Hoàng T1 đang sống chung với bà nội và anh V, cháu T1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V, anh V có nơi cư trú thuộc huyện B nên quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Nguyễn Văn V đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 20/3/2023, ngày 07/4/2023 nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh V là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, do đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã mời anh V đến hòa giải nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh V đều vắng mặt. Xét việc tiếp tục chung sống đã không thể kéo dài,

tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh V là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn V có hai con chung tên Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 17/10/2006 và Nguyễn Thị Cẩm G, sinh ngày 14/9/2008. Xét từ khi vợ chồng chị sống ly thân thì anh V là người trực tiếp chăm sóc con chung tên T1, chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên G, cháu T1, cháu G có cuộc sống ổn định. Cháu G có nguyện vọng được sống với mẹ. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, anh V chưa có yêu cầu hay tranh chấp về việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận để chị T được tiếp tục chăm sóc cháu G và công nhận anh V được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Hoàng T1 là phù hợp.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp nên không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

1.2. Về con chung:

Công nhận để anh Nguyễn Văn V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 17/10/2006. Chị Nguyễn Thị Bích T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Công nhận để chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Cẩm G, sinh ngày 14/9/2008. Anh Nguyễn Văn V chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí là 300.000đồng; số tiền phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013998 ngày 03/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Ánh

Lê Minh Thư

Nguyễn Văn Mười Hai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã Tân Thành
(h.Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mười Hai

]